**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

**Khái niệm:**

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

**1. Sông Cửa Đại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển: Chỗ sông chảy ra biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Đại: : To, lớn).

Sông Cửa Đại là một phân lưu của sông Tiền, chảy giữa hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre. Sông này được tách ra từ sông Tiền tại địa phận Cồn Tàu (xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre) cách cầu Rạch Miễu khoảng 10 km về phía hạ lưu, chảy về hướng Đông Nam, đổ ra Biển Đông tại Cửa Đại (tên chữ Hán: Đại Hải Môn). Sách *Gia Định thành thông chí* viết: “Cửa Đại cách trấn lỵ về phía nam 87 dặm, rộng hơn 7 dặm, nước triều lên thì sâu 27 thước, triều xuống thì sâu 23 thước, bùn lầy nhão nhoét, lòng cảng hẹp và quanh co, ghe thuyền ít ra vào[[1]](#footnote-1)”.

Sông Cửa Đại làm thành một đoạn ranh giới tự nhiên giữa hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; phía Bắc sông là xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, phía Nam sông là hai xã Bình Thắng và Thừa Đức của huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Sông Cửa Đại “có chiều dài khoảng 45 km, (trong đó phần thuộc Tiền Giang hơn 28 km), chiều rộng nhất của sông là 2,7 km, chỗ hẹp nhất 0,77 km và độ sâu trung bình từ 8 - 14 m. Sông chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ Biển Đông, khi triều lên sẽ chảy ngược chiều về phía thượng lưu[[2]](#footnote-2)”.

Khu vực này là môi trường thuận lợi cho các loài thủy đặc sản cư ngụ, phát triển phong phú mang tính đa dạng sinh học cao. Đặc biệt, cồn Ông Mão, cồn Vạn Liễu và bãi Vượt án ngữ ngoài cửa sông từ lâu đã trở thành bãi đẻ tự nhiên của nghêu, sò huyết,... tạo điều kiện cho nghề nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ tại Tiền Giang phát triển, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho nông dân miền biển.

**2. Sông Cửa Tiểu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Tiểu: : Nhỏ).

Sông Cửa Tiểu là một phân lưu của sông Tiền, chảy qua tỉnh Tiền Giang với chiều dài khoảng 35 km, chiều rộng nhất 1,3 km, chỗ hẹp nhất 0,4 km và chiều sâu từ 8 - 12 m.

Sông chảy theo hướng Tây Đông bắt đầu từ Cồn Tàu (xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre), cách cầu Rạch Miễu khoảng 10 km về phía hạ lưu của sông Tiền, chảy qua các huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phú Đông của tỉnh Tiền Giang và đổ vào Biển Đông tại Cửa Tiểu (tên chữ Hán Tiểu Hải Môn), huyện Tân Phú Đông. Sách *Gia Định thành thông chí* viết: “Cửa Tiểu rộng 1 dặm rưỡi, nước triều lên thì sâu 28 thước, nước triều xuống thì sâu 23 thước[[3]](#footnote-3)”.

# Sông chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ Biển Đông, khi triều lên sẽ chảy ngược chiều về phía thượng lưu. Tại đây, trước đây có một ngọn hải đăng để cho tàu thuyền di chuyển trên biển vào ban đêm; về sau, do biển xâm thực vào đất liền nên hải đăng bị sạt lỡ, không còn dấu tích; hiện còn địa danh ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông. Hiện nay, ở đây có khu du lịch biển Tân Thành và cũng là nơi nuôi nghêu nổi tiếng. Ngoài cửa sông có Cồn Ngang và Cồn Cống đã được quy hoạch thành những khu du lịch biển.

**3. Sông Cửa Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Trung: : Ở giữa).

Sông Cửa Trung nằm giữa sông Cửa Đại và sông Cửa Tiểu, dài 23 km, bắc đầu từ sông Cửa Tiểu ở xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông đến sông Cửa Đại  tại xã Phú Thạnh cùng huyện.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

**Khái niệm:**

Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[4]](#footnote-4)

**Giồng Keo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Keo).

- Cây keo: có rất nhiều loại, ở nước ta phổ biến hai loại là keo lá tràm và keo tai tượng.

+ Keo lá tràm hay tràm bông vàng là dạng cây gỗ lớn, chiều cao có thể đạt tới 30 m. Gỗ có thể dùng trong sản xuất giấy, đồ gỗ gia dụng, công nghiệp thuộc da, than củi,…

+ Keo tai tượng là dạng cây gỗ lớn, chiều cao có thể đạt tới 30 m, được trồng rừng với mục đích chủ yếu là cải tạo môi trường sinh thái và sản xuất gỗ nhỏ, gỗ nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến bột giấy, gỗ ván dăm,...

Giồng Keo là giồng cát có nhiều cây keo mọc hoang, rộng khoảng 30 ha, tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

**\* Khái niệm:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1.** **Gò Công**

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển*,…* Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết “Gò Công là Khổng Tước Nguyên”[[5]](#footnote-5).

 - Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: “Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công”[[6]](#footnote-6).

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: “Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công”[[7]](#footnote-7).

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là “kâ ngôk” chưa đúng là “kaoh”. Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ “kaol”, lại có chữ “dòm kâko”: cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là “Khổng Tước Nguyên”[[8]](#footnote-8).

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: “Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá ( Gò Công, tỉnh Tiền Giang)”[[9]](#footnote-9).

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

**\* Địa danh có nguồn gốc Khmer, gốc Mã Lai, gốc Pháp:**

**Địa danh Việt có gốc Mã Lai:**

**Khái niệm Cù lao:**

Cù lao: gọi trại từ Tiếng Mã Lai - Pulaw[[10]](#footnote-10), có nghĩa là vùng đất nổi trên sông, trên biển, lớn hơn cồn[[11]](#footnote-11).

**Cù lao Lợi Quan**

Tên gọi Lợi Quan xuất hiện vào khoảng năm 1850 khi vua Tự Đức cho thiết lập một trạm thu thuế đặt tại đây: Trạm Lợi Quan. Ngoài tên Lợi Quan, cù lao này còn được gọi là cù lao Tân Thới, cù lao Phú Thạnh Đông, tọa lạc tại nơi giáp nhau giữa cửa Tiểu và cửa Đại của sông Tiền đổ ra biển, thuộc huyện Tân Phú Đông. Cù lao có diện tích tự nhiên khoảng 18 km², chiều dài khoảng 35 km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 6 km.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1. Ấp Bãi Bùn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Bãi) + Vật chất (Bùn: là đất lẫn với nước thành một chất sền sệt).

Ấp Bãi Bùn thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà nơi đây xưa kia có một cái bãi do được phù sa bồi đắp nên đầy bùn sình, lầy lội.

Ấp Bãi Bùn đông giáp ấp Giồng Keo, cùng xã, tây giáp ấp Kinh Nhiếm, cùng xã, bắc giáp ấp Tân Phú, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung; diện tích tự nhiên 183 ha; dân số (năm 2019): 1.110 người, nam 536, nữ 574; được công nhận ấp văn hóa.

**2.** **Ấp Cồn Cống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Công trình xây dựng (Cống).

Ấp Cồn Cống thuộc xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mang tên Cồn Cống.

Ấp Cồn Cống đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Phú Hữu, cùng xã, bắc giáp sông Cửa Tiểu, nam giáp sông Cửa Đại; diện tích tự nhiên 760 ha; dân số (năm 2019): 246 người, nam 126, nữ 120; được công nhận ấp văn hóa.

**3.** **Ấp Gảnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gảnh: do từ Gành gọi trại, là tên gọi để chỉ một đoạn của dòng sông mà nơi đáy sông có độ dốc tương đối cao, làm cho nước chảy xiết rất mạnh).

Ấp Gảnh thuộc xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà tại đây nước của đoạn sông Cửa Tiểu (phía bắc) và sông Cửa Đại (phía nam) chảy rất xiết.

Ấp Gảnh đông giáp ấp Bà Từ, xã Phú Tân, tây giáp ấp Lý Quàn 2, cùng xã, bắc giáp sông Cửa Tiểu, nam giáp sông Cửa Đại; diện tích tự nhiên 372 ha; dân số (năm 2019): 1.172 người, nam 597, nữ 575; được công nhận ấp văn hóa.

**4.** **Ấp Giồng Keo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây keo).

Ấp Giồng Keo thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát có nhiều cây keo.

Ấp Giồng Keo đông giáp ấp Cả Thu 2, cùng xã, tây giáp ấp Bãi Bùn, cùng xã, bắc giáp ấp Cả Thu 1, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung; diện tích tự nhiên 222 ha; dân số (năm 2019): 1.155 người, nam 557, nữ 598; được công nhận ấp văn hóa.

**5.** **Cầu Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…).

Cầu Tre là nơi có nhiều bụi tre, nằm trên Đường huyện 7, dài 39m, ngang 6 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua rạch Bà Tiên, thuộc xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông.

**6.** **Cầu Ván (xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu làm cầu (Ván).

Lúc mới xây dựng, cầu được làm bằng ván gỗ. Cầu nằm trên Đườnghuyện 7, dài 27m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua cặp đê bao Phú Đông, thuộc xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông.

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

**1. Ấp Kinh Nhiếm**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra, là loài động vật gặm nhấm, lông là những chiếc gai nhọn, khi gặp nguy hiểm, những chiếc gai nhọn này dựng đứng để tự bảo vệ, bao tử nhím khi ngâm rượu là vị thuốc chữa bệnh đau bao tử, lông được dùng làm đồ mỹ nghệ).

Kinh Nhiếm là con kinh chảy qua nơi có nhiều con nhím. Ấp Kinh Nhiếm thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mang tên Kinh Nhiếm.

Ấp Kinh Nhiếm đông giáp ấp Bãi Bùn, cùng xã, tây giáp ấp Tân An, xã Tân Phú, bắc giáp ấp Láng Biển, cùng xã, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung, bắc giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 272 ha; dân số (năm 2019): 1.097 người, nam 534, nữ 563; được công nhận ấp văn hóa.

**2.** **Cầu Cá Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Cá thu: là một trong các loại cá biển có thịt thơm ngon, dồi dào nguồn đạm và chất béo, rất bổ dưỡng).

Cầu Cá Thu là nơi mua bán cá thu, nằm trên Đường tỉnh 877B, được xây dựng lại năm 1987, dài 16 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua rạch Hai Sanh, thuộc xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.

**3. Cầu Rạch** **Cò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Cò).

Cầu Rạch Cò là tên gọi cây cầu nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 24 m, bắc qua Rạch Cò là nơi có nhiều con cò sinh sống, thuộc xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, xây dựng vào năm 1982, sau đó xây dựng lại năm 2004 - 2005.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)****(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số****(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP****Mỹ Tho** | **TX** **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu** **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ****Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Tân Phú Đông:**

1. **Huyện Tân Phú Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

Tân: 新: Mới mẻ; Phú富: Giàu có; Đông: 東: Phía đông.

新 Tân: Mới mẻ

富 Phú: Giàu có

東 Đông: Phía đông

縣 Huyện: Đơn vị hành chính dưới tỉnh; trên xã. thôn

新富東縣 Tân Phú Đông Huyện

**Vị trí địa lý:**

Huyện Tân Phú Đông nằm ở phía đông nam tỉnh Tiền Giang, phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây và phía Nam giáp huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp huyện Chợ Gạo, huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông.

**Diện tích tự nhiên:** 22.311,26 ha.

**Hành chính:**

Huyện có 6 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các xã: Phú Đông, Phú Tân, Tân Thới, Tân Phú, Tân Thạnh và Phú Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất cù lao Lợi Quan hiện nay tương ứng với 4 thôn: Tân Phong, Miễu Ông, Hòa Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, trên cù lao Lợi Quan có 4 thôn: Tân Phong, Từ Linh (tên cũ là thôn Miễu Ông), Hòa Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, do kiêng húy thái hậu Từ Dụ/Từ Dũ (Phạm Thị Hằng) nên tổng Hòa Hằng đổi tên thành tổng Hòa Quới.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, toàn bộ cù lao Lợi Quan thuộc tổng Hòa Quới, hạt Thanh tra Gò Công). Lúc này, ba làng Tân Phong, Từ Linh và Hòa Thới được nhập lại thành một làng mới lấy tên là Tân Thới; làng Phú Thạnh Đông được giữ nguyên. Từ đó, địa phận cù lao Lợi Quan chỉ còn hai là làng là Tân Thới và Phú Thạnh Đông. Năm 1871, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, hai làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1913, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924 -1954, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1954, “làng” được gọi là “xã”; bãi bỏ cấp “tổng”. Theo đó, từ năm 1945-1951, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1955, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng tỉnh Gò Công. Năm 1956, “làng” được gọi là “xã”; tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho được hợp nhất thành tỉnh Định Tường; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường. Năm 1963, tỉnh Gò Công được tái lập; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công. Năm 1965, chính quyền Sài Gòn bãi bỏ cấp “tổng”; chia tỉnh Gò Công thành 4 quận: Hòa Bình, Hòa Đồng, Hòa Lạc và Hòa Tân; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công. Sắp xếp hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1954-1957, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tỉnh Gò Công; từ năm 1957-1968, hai xã thuộc huyện Hòa Đồng, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, hai xã thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1972, hai xã thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), hai xã thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, hai xã thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây. Hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông được chia tách thành 6 xã, bao gồm 4 xã Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh và Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây; 2 xã: Phú Đông và Phú Tân thuộc huyện Gò Công Đông.

Năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó, thành lập huyện Tân Phú Đông, bao gồm 4 xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây và 2 xã: Phú Đông, Phú Tân thuộc huyện Gò Công Đông. Huyện có 02 xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới: xã Tân Thới (2020) và xã Tân Phú (2021).

Đặc sản: mắm còng, trái mãng cầu Xiêm tươi, trà trái mãng cầu Xiêm, tinh dầu xả,...

**Dân số:** 42.120 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 34,7 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Huyện có 12 km bờ biển và nằm giữa hai cửa sông Mê Kông là cửa Tiểu và cửa Đại, có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế biển, đặc biệt là đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Năm 2020  tốc độ tăng trưởng kinh tế  đạt 7,15%. Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm 76%, công nghiệp xây dựng chiếm 10,95%, dịch vụ thương mại 13,05%.

Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Rừng phòng hộ ven biển 957,5 ha. Diện tích nuôi trồng thủy sản 7,110 ha, sản lượng 27,855 tấn. Có 2.986 ha dừa đang cho trái ổn định; có 2.716 ha sả, sản lượng 42.160 tấn. Cây ăn trái 1.120 ha, sản lượng trên 21.950 tấn.

**Giáo dục:**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư xây dựng, trang bị theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa. Năm 2020, trên địa bàn huyện có 17 trường học:

- Giáo dục mầm non có 06 trường.

- Giáo dục phổ thông có 11 trường: 05 trường tiểu học, 01 trường tiểu học và trung học cơ sở, 02 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Toàn huyện có 08 trường đạt chuẩn quốc gia và 03 trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Có 6/6 xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Huyện có 01 trung tâm y tế huyện và 6/6 xã có trạm y tế (các trạm y tế xã đều đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã). Do là huyện đảo, nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Việc chăm sóc sức khỏe, chữa trị bệnh cho nhân dân được thực hiện tốt.

**Giao thông:**

Huyện có duy nhất tuyến Đường tỉnh 877B, dài 35,3 km chạy dài từ tây sang đông, được láng nhựa theo tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng. Các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn được đầu tư, nâng cấp. Các bến phà, đò phân bổ đều trên địa bàn với 3 bến phà chung và 18 bến đò. Bến phà Tân Long được đầu tư ponton 60 tấn, với tổng kinh phí 50 tỷ đồng.

Huyện có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thực hiện có hiệu quả. Qua bình xét cuối năm 2020, huyện đạt tỷ lệ 95% số hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa; có 06/06 xã đạt danh hiệu Xã văn hóa; 35/35 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa, 36 con đường văn hóa, 06 cơ sở thờ tự văn hóa.

Các thiết chế văn hóa được đầu tư nâng cấp, xây dựng. Huyện có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 06/06 Nhà văn hóa xã, 35/35 ấp có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa, 22 Nhà văn hóa ấp, liên ấp; khoảng 30 câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích văn hóa - văn nghệ, gia đình hạnh phúc phát triển bền vững - Đội phòng, chống bạo lực gia đình, 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Lũy Pháo Đài).

**Du lịch:**

Huyện có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Cồn Cống và Cồn Ngang. Ngoài ra, huyện còn có Khu sinh thái Làng Yến với diện tích 99,953 m2, tổng mức đầu tư trên 150 tỷ đồng với nhiều trò chơi hấp dẫn kết hợp với khu di tích lịch sử Lũy Pháo Đài Trương Định được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia sẽ tạo thêm sức hấp dẫn cho du khách.

**Thể thao:**

Số người tập luyện thể dục thể thao của huyện đạt 30%; số hộ tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 25%. Huyện có trung tâm văn hóa - thể thao và nhà văn hóa các xã được sử dụng làm nơi tập luyện và thi đấu thể thao; có 01 lớp năng khiếu võ cổ truyền và các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, dưỡng sinh,...

**Tổng số liệt sĩ:** 141 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt nam anh hùng:** 1.045Bà mẹ.

**2. Xã Phú Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

東 Đông: Phía đông

新富東社 Phú Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Đông nằm ở phía Đông Nam của huyện Tân Phú Đông; phía Đông giáp xã Phú Tân; phía Tây giáp xã Phú Thạnh; phía Bắc giáp sông Cửa Tiểu; phía Nam giáp với sông Cửa Đại.

**Diện tích tự nhiên:** 2.918 ha.

**Hành chính:**

Xãcó 5 ấp: Bà Tiên 1, Bà Tiên 2, Lý Quàn 1, Lý Quàn 2, Gảnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Thạnh, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Quới (vì kiêng úy hoàng phi Phạm Thị Hằng/Từ Dụ/Từ Dũ nên Hòa Hằng đổi thành Hòa Quới/Quý) , huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1867, làng[[12]](#footnote-12) Phú Thạnh Đông thuộc hạt thanh tra Tân Hòa; từ năm 1900, làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Phú Thạnh Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Phú Thạnh Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Phú Thạnh Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Phú Thạnh Đông tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã này thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Phú Thạnh Đông được đổi tên thành xã Phú Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Phú Đông thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Xã Phú Đông được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập xã Phú Thạnh (1979) và xã Phú Tân (1992). Năm 2008, xã Phú Đông thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 8.145 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 40,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã tập trung vào sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp, trong đó ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản là chính yếu.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Phú Đông, Trường tiểu học và trung học cơ sở Phú Đông.

**Y tế:**

Trạm y tế xã Phú Đông đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 viên chức: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

**Giao thông:**

Tất cả tuyến đường trong xã đều được trải nhựa, bê tông và đá xanh, đảm bảo việc đi lại và giao thương của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Năm 2020, có 1.799/1.799 hộ đăng ký danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 100%; qua bình xét có 1.535/1.799 hộ đạt, tỷ lệ 85,32.

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Du lịch:** Không.

**Thể thao:**

Có sân bóng chuyền, cầu lông và dụng cụ tập thể dục đơn giản tại nhà văn hóa xã.

**Tổng số liệt sĩ:** 143 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt nam anh hùng:** 08 Bà mẹ.

**3. Xã Phú Tân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

新 Tân: Mới mẻ

富新社 Phú Tân Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Tân nằm ở phía Đông của huyện Tân Phú Đông; phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp xã Phú Đông; phía Nam giáp sông Cửa Đại (xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến tre); phía bắc giáp sông Cửa Tiểu (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông).

**Diện tích tự nhiên:** 1.606,23 ha.

**Hành chính:**

Xã có 04 ấp: Bà Từ, Pháo Đài, Phú Hữu và Cồn Cống.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1992, xã Phú Tân được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Phú Đông, thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Phú Tân thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 4.175 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 41,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của xã là ngư - nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn.

Xã có 01 chợ nông thôn, 01 Công ty chế biến nguyên liệu thức ăn gia súc, 02 đại lý thức ăn nuôi tôm, 11 điểm thu mua thủy sản, 02 trạm xăng dầu, 02 điểm bán vật liệu xây dựng và các điểm kinh doanh tạp hóa phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và tiêu dùng cho nhân dân.

Có 01 hợp tác xã thủy sản với 1.056 xã viên và 4.044 cổ phần, chủ yếu khai thác nguồn giống nghêu, sò tự nhiên; 01 Tổ hợp tác nông - thủy sản với 31 thành viên, mô hình sản xuất là nuôi 1 vụ tôm, trồng 1 vụ lúa, chủ yếu hoạt động theo mùa vụ với diện tích 167 ha (lúa 58,7 ha).

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường tiểu học - trung học cơ sở, 01 trường mầm non được xây dựng kiên cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

**Y tế:**

Cơ sở vật chất Trạm y tế xã được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn Quốc gia, có 08 viên chức: 04 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

**Giao thông:**

Qua địa bàn xã có Đường tỉnh 877B dài khoảng 07km, Đường huyện 85D dài khoảng 04km, cùng hệ thống đường ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Có 01 Nhà văn hóa, 01 Nhà văn hóa liên ấp (Bà Từ - Pháo Đài), tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Có Khu du lịch sinh thái Làng Yến (10ha) và Khu du lịch Cồn Cống.

**Thể thao:**

Việc rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực cho nhân dân, nhất là thanh thiếu niên có bước phát triển. Cơ sở vật chất phục vụ cho thể dục - thể thao được quan tâm đầu tư và thực hiện xã hội hóa, đáp ứng yêu cầu rèn luyện thể dục thể thao của cán bộ và Nhân dân.

**Tổng số liệt sĩ:** 132 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 19 Bà mẹ.

**4. Xã Phú Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

富盛社 Phú Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Thạnh nằm ở trung tâm của huyện Tân Phú Đông, phía Đông giáp xã Phú Đông; phía Tây giáp xã Tân Phú; phía nam giáp xã Tân Thạnh qua sông Cửa Trung; phía Bắc giáp huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông qua sông Cửa Tiểu.

**Diện tích tự nhiên:** 2.232,1 ha.

**Hành chính:**

Xã Phú Thạnh có 07 ấp: Kinh Nhiếm, Bãi Bùn, Tân Phú, Giồng Keo, Cả Thu 1, Cả Thu 2, Bà Lắm.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1979, xã Phú Thạnh (huyện Gò Công Tây) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Phú Đông (Xem lịch sử hình thành xã Phú Đông). Năm 2008, xã Phú Thạnh thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.054 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 47,6 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Đời sống nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu trồng cây sả (diện tích 850 ha, năng suất 8 tấn/ha; năm 2020, có 05 tổ hợp tác cây sả với 80 thành viên, diện tích 60 ha; 01 hợp tác xã cây sả diện tích 43 ha với 23 thành viên.

Bên cạnh đó, người dân còn trồng cây mãng cầu xiêm, cây nhãn, cây dừa; chăn nuôi gia súc, gia cầm (năm 2020, xã có đàn heo 2.600 con; đàn bò 1.400 con, đàn gia cầm 18.200 con); nuôi tôm với 154 hộ (diện tích 255ha).

Về tiểu thủ công nghiệp, xã có các cơ sở xay xát, cơ khí sửa chữa nhỏ, hàn gia công, điện tử, mộc,... Bên cạnh đó, các ngành nghể truyền thống cũng đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong xã, tận dụng thời gian nhàn rỗi, như: chằm lá, bó chổi. Một số hộ kinh doanh và buôn bán nhỏ, tập trung chủ yếu ở chợ Phú Thạnh và chợ Cả Thu 1.

**Giáo dục:**

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Phú Thạnh, Trường tiểu học Phú Thạnh, Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Phú Thạnh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non và tiểu học.

**Y tế:**

Trạm y tế xã có trang thiết bị đầy đủ theo quy định, bao gồm 8 viên chức: 04 y sĩ, 03 điều dưỡng, 01 dược sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 877B chạy dọc qua trung tâm xã dài 5,5km và Đường tỉnh 872B dài 01 km nối từ Bến Phà Tân Long đến Đường tỉnh 877B.

Xã có 03 tuyến đường trục xã với chiều dài 4,91km, đã đạt chuẩn 4,46km, chiếm 90,84%; 26 tuyến đường trục ấp với chiều dài 22,2km đã đạt chuẩn 100%; 11 tuyến đường trục xóm với chiều dài 8.981 m đã đạt chuẩn 100%. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định và 03 Nhà văn hóa liên ấp, 07 ấp có trụ sở phục vụ hội họp, sinh hoạt của cộng đồng và đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, 01 câu lạc bộ “Hát với nhau”, có 01 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Phú Thới - ấp Bãi Bùn) và 08 con đường văn hóa.

**Du lịch:**

Trên địa bàn xã chưa có phát sinh các loại hình du lịch và cũng như khu du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích 5.000m2 và 05 sân mini. Phong trào luyện tập thể dục thể thao, nâng cao thể lực cho thanh niên và nhân dân cũng diễn ra sôi nổi, nhất là ở các trường học: bóng đá và bóng chuyền là hai môn phổ biến thường được tập luyện và tổ chức thi đấu giao hữu.

**Tổng số liệt sĩ:** 126 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 20 Bà mẹ.

**5. Xã Tân Phú**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

富 Phú: Giàu có

新富社 Tân Phú Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Phú nằm về phía Tây của huyện, phía Đông giáp xã Phú Thạnh, phía Tây giáp xã Tân Thới, phía Bắc giáp sông Cửa Tiểu và phía Nam giáp sông Cửa Trung.

**Diện tích tự nhiên:** 1.736,34 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Tân Ninh, Tân Thạnh, Tân Xuân, Tân An, Tân Thành.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1979, xã Tân Phú (huyện Gò Công Tây) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Tân Thới (Xin xem Lịch sử hình thành xã Tân Thới). Năm 2008, xã Tân Phú thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.353 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,2 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế**:

Cơ cấu kinh tế của xã là “*ngư - nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ”*, trong đó ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn. Xã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sơ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát triển, xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Vận động người dân chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái, các loại hoa màu có năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn, chuyển đổi nhiều diện tích ao, đầm từ nuôi cá sang nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Mô hình trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã cũng có bước phát triển với quy mô, số lượng ngày càng tăng. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp được thành lập tháng 7/2020 với 50 thành viên.

Xã hiện có chợ Rạch Vách có tổng diện tích mặt bằng 1.200,2m2, có 100 hộ kinh doanh cố định và 20 hộ kinh doanh không cố định, 03 điểm thu mua thủy sản, 01 trạm xăng dầu, 04 điểm bán vật liệu xây dựng và các điểm kinh doanh tạp hóa phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và tiêu dùng cho nhân dân.

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở, trong đó trường mầm non, trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 viên chức: 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 03 y sĩ, 01 điều dưỡng.

Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Về giao thông, chạy ngang qua xã có Đường tỉnh 877B với chiều dài khoảng 7,5 km, Đường huyện 84E với chiều dài khoảng 2,5km.

Xã có 39 tuyến đường giao thông nông thôn, với tổng chiều dài trên 41km, gồm có 19 tuyến đường liên ấp dài gần 19km và 20 tuyến đường dân sinh dài hơn 22km. Trong 19 tuyến đường liên ấp có 15 tuyến xây dựng đạt chuẩn, với tổng chiều dài hơn 13km; xã không còn đường lầy lội vào mùa mưa bão, các công trình giao thông nông thôn đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Xã có 02 bến phà: một bến đi từ xã Tân Phú đến xã Tân Thạnh và một bến đi từ xã Tân Phú đến xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định và 03 Nhà văn hóa liên ấp; có 5/5 ấp có trụ sở làm việc và đạt chuẩn Ấp văn hóa.

**Du lịch**:

Trên địa bàn xã không có khu du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 03 sân bóng chuyền và 02 hồ bơi.

**Tổng số liệt sĩ:** 262 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 20 Bà mẹ.

**6. Xã Tân Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新盛社 Tân Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Thạnh nằm ở phía Đông huyện; phía Đông giáp xã Phú Đông, phía Tây và phía Nam giáp sông Cửa Đại, phía Bắc giáp các xã Tân Thới, Tân Phú và Phú Thạnh.

**Diện tích tự nhiên:** 2.237,03 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Tân Hòa, Tân Lập, Tân Thành 1, Tân Thành 2, Tân Bình và Tân Đông.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 2002, xã Tân Thạnh được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Tân Thới (Xem Lịch sử hình thành xã Tân Thới). Năm 2008, xã Tân Thạnh thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

**Dân số:** 4.403 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 36 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của xã là “*- nông - lâm - ngư nghiệp và dịch vụ”*, trong đó nuối trồng thủy sản và cây ăn trái là ngành kinh tế mũi nhọn.

Xã có chợ trung tâm là chợ Tân Thạnh, 01 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, 110 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: thực phẩm, vật liệu xây dựng, tạp hóa,...

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường: Trường mầm non Tân Thạnh, Trường tiểu học Tân Thạnh. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm Y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 viên chức: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Chạy ngang qua xã có Đường huyện 83C dài 17km, Đường huyện 84D dài khoảng 0,2km, Đường huyện 84F dài khoảng 0,3km. Hệ thống đường xã, đường ấp, đường liên ấp được trải nhựa hoặc bê tông, đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Nhà văn hóa xã diện tích 620 m² và 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà văn hóa liên ấp Tân Hòa - Tân Lập có diện tích trên 100 m², Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình - Tân Đông có diện tích trên 100 m²); có 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa.

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 hồ bơi.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Tổng số liệt sĩ:** 41 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 06 Bà mẹ.

**7. Xã Tân Thới**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

**泰**: Thái (Thới): Thái bình

新**泰**社 Tân Thới Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Thới nằm ở phía Tây của huyện Tân Phú Đông, phía Đông giáp xã Tân Phú, phía Tây giáp sông Cửa Trung, phía Nam giáp xã Tân Thạnh, phía bắc giáp xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

**Diện tích tự nhiên:** 2.112,45 ha

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Tân Phú, Tân Quý, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hiệp, Tân Bình, Tân Hương, Tân Định.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Miễu Ông, Tân Phong và Hòa Thới, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Từ Linh (do thôn Miễu Ông đổi tên), Tân Phong và Hòa Thới thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn ba thôn này thuộc tổng Hòa Quới (vì kiêng úy hoàng phi Phạm Thị Hằng/Từ Dụ/Từ Dũ nên Hòa Hằng đổi thành Hòa Quới/Quý) , huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1867, ba làng Từ Linh, Tân Phong và Hòa Thới hợp nhất thành làng Tân Thới thuộc hạt thanh tra Tân Hòa; từ năm 1900, làng Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Thới, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Tân Thới thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã này thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Xã Tân Thới được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập xã Tân Phú (1979) và xã Tân Thạnh (2002). Năm 2008, xã Phú Đông thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.662 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:**  là 51 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là trồng trọt (cây dừa, cây mãng cầu Xiêm, cây sả, cỏ dùng trong chăn nuôi,…) và chăn nuôi (dê, heo, bò, gà, vịt, thủy sản,…). Xã có 02 chợ, trong đó 01 chợ Trung tâm của xã và 01 chợ tọa lạc tại ấp Tân Phú.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường, gồm Trường mầm non Tân Thới (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thới (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tân Thới.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm Y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 viên chức: 04 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Chạy ngang qua xã có Đường tỉnh 877B, Đường huyện 84 và Đường huyện 84 F. Tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường liên ấp được trải nhựa hoặc bê tông, đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Xã có 03 bến phà gồm: bến phà Tân Thới - Tân Thạnh; Tân Thới - Vàm Giồng và bến phà Tân Thới - Bình Ninh.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Nhà văn hóa của xã; 04 Nhà văn hóa liên ấp. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 03 sân bóng đá mini, mỗi ấp có 01 sân bóng chuyền để phục vụ cho thanh thiếu niên vui chơi, giải trí.

**Tổng số liệt sĩ:** 341 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 68 Bà mẹ.**

**\* Đường tỉnh:**

**1. Đường tỉnh 872B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872B).

Đường tỉnh 872B, có số hiệu đường bộ ĐT.872B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 10,717 km.

1. **Đường tỉnh 877B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877B).

Đường tỉnh 877B, có số hiệu đường bộ ĐT.877B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp Biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 39,258 km.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Tân Phú Đông: 14 địa danh**

Đường huyện: 14 địa danh

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1.** **Đường huyện 83**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83).

Đường huyện 83 có số hiệu đường bộ ĐH.83; điểm đầu: Rạch Lồ Ồ (xã Tân Phú); điểm cuối: Rạch Bà Từ (xã Phú Đông); chiều dài: 15,600 km.

**2.** **Đường huyện 83B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 83B có số hiệu đường bộ ĐH.83B; điểm đầu: ĐT.877B (xã Phú Thạnh); điểm cuối: ĐH.85C (xã Phú Đông) ; chiều dài: 8,800 km.

**3.** **Đường huyện 83C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 83C có số hiệu đường bộ ĐH.83C; điểm đầu: Ấp Tân Đông (xã Tân Thạnh); điểm cuối: Ấp Tân Hòa - xã Tân Thạnh; chiều dài: 15,740 km.

**4.** **Đường huyện 83D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 83D có số hiệu đường bộ ĐH.83D; điểm đầu: ĐH.85 (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.85C (xã Phú Đông); chiều dài: 3,300 km.

**5.** **Đường huyện 84**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84).

Đường huyện 84 có số hiệu đường bộ ĐH.84; điểm đầu: Sông Cửa Trung (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Thới); chiều dài: 2,350 km.

**6.** **Đường huyện 84B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 84B có số hiệu đường bộ ĐH.84B; điểm đầu: Bến phà Vàm Giồng (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Thới); chiều dài: 1,200 km.

**7.** **Đường huyện 84C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 84C có số hiệu đường bộ ĐH.84C; điểm đầu: Bến phà Rạch Vách (xã Tân Phú); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Phú); chiều dài: 0,420 km.

**8.** **Đường huyện 84D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 84D có số hiệu đường bộ ĐH.84D; điểm đầu: ĐT.877B (xã Tân Phú); điểm cuối: ĐH.83C (xã Tân Thạnh); chiều dài: 1,650 km.

**9.** **Đường huyện 84E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (E).

Đường huyện 84E có số hiệu đường bộ ĐH.84E; điểm đầu: Bến phà Tân Long (xã Phú Thạnh); điểm cuối: ĐT.877B (xã Phú Thạnh); chiều dài: 1,000 km.

**10.** **Đường huyện 84F**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (F).

Đường huyện 84F có số hiệu đường bộ ĐH.84F; điểm đầu: ĐT.877B (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐH.83C (xã Tân Thạnh) ; chiều dài: 0,770 km.

**11.** **Đường huyện 85**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85).

Đường huyện 85 có số hiệu đường bộ ĐH.85; điểm đầu: Bến phà Phú Đông - Phước Trung; điểm cuối: ĐT.877B (xã Phú Đông); chiều dài: 2,980 km.

**12.** **Đường huyện 85C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 85C có số hiệu đường bộ ĐH.85C; điểm đầu: ĐH.83D (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.83B (xã Phú Đông); chiều dài: 4,400 km.

**13.** **Đường huyện 85D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 85D có số hiệu đường bộ ĐH.85D; điểm đầu: Sông Cửa Tiểu (ấp Pháo Đài, xã Phú Tân); điểm cuối: ĐT.877B (ấp Pháo Đài, xã Phú Tân); chiều dài: 3,390 km.

**14.** **Đường huyện 85E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (E).

Đường huyện 85E có số hiệu đường bộ ĐH.85E; điểm đầu: ĐT.877B (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.83B (xã Phú Đông); chiều dài: 1,080 km.

**Đường phố: Chưa có đường phố.**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Tân Phú Đông: 17 địa danh**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 877B**

**1. Cầu Bà Lắm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Lắm).

- Vị trí: Km 27+334, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lắm

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

**2. Cầu Lý Quàn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên người (Lý Quàn); hoặc Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[[13]](#footnote-13)) + Tên người (Quàn).

- Vị trí: Km 29+099, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Lý Quàn

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**3. Cầu Bà Từ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Từ).

- Vị trí: Km 31+970, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Từ

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ 4,5m; 4 dầm T (BTDƯL)x 3; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

**4. Cầu Cả Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương cả: người đứng đầu Hội đồng hương chức của làng xã thời xưa, gọi tắt là Cả) + Tên người (Thu).

- Vị trí: Km 26+535, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cả Thu

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,2 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 4 dầm 18,6m (BTDƯL); Htt: +2.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**5. Cầu Kinh/Kênh Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 33+973, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 4 dầm BTDƯL/nhịp; Htt: +2.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**6. Cầu Tư Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Tư Xuân).

- Vị trí: Km 24+334, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Tư Xuân, còn gọi Rạch Quẹo

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm 18,6m (BTDƯL); Htt: +2.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**7. Cầu Số 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 1).

- Vị trí: Km 36+974, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Võ Văn Hên

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.43

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**8. Cầu Số 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 2).

- Vị trí: Km 37+706, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Khe Luông

- Quy mô: 5 nhịp dài 81m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +4.12

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**9. Cầu Số 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 3).

- Vị trí: Km 38+776, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Số 3

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.62

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**10. Cầu Số 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 4).

- Vị trí: Km 39+171, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Số 4

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.62

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**11. Cầu Hai Sanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Hai Sanh).

- Vị trí: Km 20+262, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Hai Sanh

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**12. Cầu Lồ Ồ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Lồ ồ: còn gọi lồ ô, là một loại tre).

- Vị trí: Km 17+416, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Lồ Ồ

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**13. Cầu Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

- Vị trí: Km 19+030, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Me

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có.

**14. Cầu Rạch Cầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Cầu).

- Vị trí: Km 14+687, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cầu

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: có

**15. Cầu Rạch Cò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Con cò).

- Vị trí: Km 13+939, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cò

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk =1m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**16. Cầu Rạch Nhiếm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Con nhím/nhiếm).

- Vị trí: Km 21+695, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Nhiếm

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MNmax)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**17. Cầu Rạch Vách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây Vách).

- Vị trí: Km 15+646, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Vách

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MNmax)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống lớn:**

**Cống Lý Quàn**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Quàn)

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[[14]](#footnote-14)) + Tên người (Quàn).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2014; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.800 ha.

**Cống vừa và nhỏ:**

**1. Cống Bà Lắm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Lắm).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**2. Cống Bà Tài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Tài).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**3. Cống Bàu Ranh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là **nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn**) + Vị trí (Ranh: Chỗ ngăn ra để làm giới hạn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2002; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 75 ha.

**4. Cống CC1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Hai chữ cái la tinh (CC) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2004; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 150 ha.

**5. Cống Huyện lộ 17**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Huyện lộ/Đường huyện) + Số hiệu (17).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 256 ha.

**6. Cống Kinh/Kênh Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 75 ha.

**7. Cống Lồ Ô**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Tre lồ ô).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1999; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**8. Cống Lý Ngươn**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Ngươn)

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[[15]](#footnote-15)) + Tên người (Ngươn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**9. Cống Lý Quàn**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Quàn).

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[[16]](#footnote-16)) + Tên người (Ngươn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**10.** **Cống Rạch Mương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Mương).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 1.500 ha.

**11. Cống Tân Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Tân Xuân).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**12. Cống 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2017; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**13. Cống 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2017; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**\* Đập: 01 địa danh.**

**Khái niệm**

Đập nước là công trình được xây dựng để ngăn dòng giữ nước từ các con sông, rạch, kinh/kênh,… nhằm khai thác, sử dụng nước một cách hợp lý.

**Đập Rạch Nhiếm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra).

Đập ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2010, chiều dài 177,50 m, chiều rộng 2,5 m, cao trình 2,9 m.

**\* Đê:**

**1. Đê Cửa sông Gò Công 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (2).

Đê kéo dài qua các xã Phú Thạnh, Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Cầu tạm Bà Tiên, xã Phú Đông, điểm cuối: Cầu tạm Bà Tiên, xã Phú Đông, được xây dựng năm 1999; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 24.773 m, chiều rộng 4 - 6, cao trình 2,3 m - 4 m.

**2. Đê Kinh Nhiếm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra).

Đê ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Đường huyện 84E, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 2001; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 2.659 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,3 m - 3 m.

**3. Đê Tân Xuân - Tân Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Tân Xuân - Tân Thạnh).

Đê ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Cống Lồ Ô, được xây dựng năm 2009; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 5.000 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,5 - 3 m.

**\*** **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 |   |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | chung(rộng tối thiểu 7,5 m) |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che |   |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng |   |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn |   |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | Có phần mềm quản lý bến xe |   |

**Bến xe Tân Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

Bến xe Tân Phú Đông, mã số (63)55, tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.710 m², xếp loại 6.

**\* Bến đò:**

**Khái niệm**

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

**1. Bến đò Lở**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Động từ (Lở: nứt vỡ ra và sụt đổ xuống).

Bến đò Lở bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông với xã Tân Thới, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến đò Tân Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Ấp Tân Định).

Bến đò Tân Định bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối ấp Tân Định, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông với ấp Tân Lập, xã Tân Thạnh, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến đò Tân Phú - Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú - Xã Long Bình).

Bến đò Tân Phú - Long Bình bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông với xã Long Bình, huyện Gò Công Tây (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**4. Bến đò Tân Thạnh - Lộc Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh - Xã Lộc Thuận).

Bến đò Tân Thạnh - Lộc Thuận bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Đại thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (và ngược lại).

**5. Bến đò Tân Thạnh - Vang Quới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh - Xã Vang Quới).

Bến đò Tân Thạnh - Vang Quới bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Đại thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (và ngược lại).

**\*Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**1. Bến phà Cồn Tàu (2)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Phương tiện giao thông thủy (Tàu).

Về nguồn gốc địa danh Cồn Tàu có 2 cách giải thích:

- Cù lao giống hình chiếc tàu thủy nên gọi là cù lao Tàu.

- Xưa kia, có một chiếc tàu buôn vào ăn hàng bị chìm tại đây. Về sau, phù sa bồi tụ lại thành cồn, từ đó có tên gọi Cồn Tàu.

Bến phà Cồn Tàu (2) bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**2. Bến phà Phước Trung - Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung - Xã Phú Đông).

Bến phà Phước Trung - Phú Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông với xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến phà Rạch Vách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Bến phà Rạch Vách bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**4. Bến phà Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh Hán Việt (Tân Long).

Bến phà Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Long Bình, huyện Gò Công Tây với xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**5**. **Bến phà Tân Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh).

Bến phà Tân Thạnh bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông với xã Tân Thới, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**6. Bến phà Vàm Giồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

Bến phà Vàm Giồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông:

+ Địa chỉ: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3530930

+ Trang thông tin điện tử: ttyttanphudong.vn

+ Email: medictpd@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 21.249 m² ; diện tích sử dụng: 12.828 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 132; trong đó nam: 54; Nữ: 78.

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông được thành lập năm 2008 theo Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản: Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông có 5 chi bộ trực thuộc với 68 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 18 tổ công đoàn với 132 công đoàn viên; Chi đoàn Thanh niên có 19 đoàn viên.

Trung tâm có 01 phòng chức năng: Phòng Hành chính - Tổng hợp; 05 khoa chuyên môn: Khoa Cấp cứu - Nội tổng hợp; Khoa Dược, Khoa Phụ sản, Khoa Khám bệnh, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc trung tâm xếp hạng 3 với 50 giường bệnh. Đồng thời, Trung tâm còn có 06 trạm y tế xã trực thuộc: Tân Thới, Tân Thạnh, Tân Phú, Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông có: Bác sĩ chuyên khoa 1: 10, Bác sĩ đại học: 12; Thạc sĩ: 03; Dược sĩ: 16; Hộ sinh: 9; Điều dưỡng: 20; Y sĩ: 37; Kỹ thuật viên: 2; Y tế công cộng: 7; Trình độ khác: 16.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Huyện Tân Phú Đông: 01 địa danh**

**Công viên Tân Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

Công viên được khánh thành năm 2021, nằm ở trước trụ sở Ủy ban Nhân dân huyện, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 14.400 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, dương, phượng vỹ, sấu, hoa sữa, móng bò,…); cây tạo dáng và hoa (cau kiểng, hoa trang, ắc ó, hoa giấy, trâm ổi,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

 **\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

 **Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[17]](#footnote-17).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[18]](#footnote-18).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[19]](#footnote-19).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[20]](#footnote-20).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[21]](#footnote-21).

**Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[22]](#footnote-22):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1  | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng- Chợ hôm- Chợ chiều- Chợ đêm- Chợ phiên |
| 2  | Theo lịch sử  | - Chợ truyền thống- Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3  | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê- Chợ ven đô- Chợ đô thị- Chợ đồng bằng- Chợ miền núi |
| 4  | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng- Chợ xã (liên làng)- Chợ huyện (liên xã)- Chợ thị trấn- Chợ thị xã |
| 5  | Theo tình chất, quy mô traođổi hàng hóa | - Chợ đầu mối- Chợ bán lẻ- Chợ chuyên doanh- Chợ tổng hợp |
| 6  | Theo loại hình hàng hóa bánchủ yếu tại chợ | - Chợ vải- Chợ trâu- Chợ trái cây- Chợ hải sản |
| 7  | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố- Chợ bán kiên cố- Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[23]](#footnote-23):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[24]](#footnote-24):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[25]](#footnote-25):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Tân Phú Đông: 08 địa danh**

**1. Chợ Phú Tân (Chợ Bà Từ)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Tân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính và tên người (Bà Từ: Theo dân gian, bà là người phụ nữ có công khai khẩn địa phương trong nửa đầu thế kỷ XIX; giỏi canh tác ruộng vườn, chăn nuôi; tinh thông võ nghệ, tương truyền, bà từng đánh cọp để bảo vệ cuộc sống của người dân).

Chợ loại 3, ở xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.600 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có khô cá bông lau,…

**2. Chợ Cả Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương cả gọi tắt là Cả) + Tên người (Thu).

Tác giả Mai Mỹ Duyên cho biết: *“Nghe nói, hồi xưa có ông Hương cả* [*(Hương chức*](http://vi.wiktionary.org/wiki/h%C6%B0%C6%A1ng_ch%E1%BB%A9c) *đứng đầu một* [*làng*](http://vi.wiktionary.org/wiki/l%C3%A0ng) *ở* [*Nam*](http://vi.wiktionary.org/wiki/Nam)[*Bộ*](http://vi.wiktionary.org/wiki/B%E1%BB%99) [*thời*](http://vi.wiktionary.org/wiki/th%E1%BB%9Di) [*Pháp*](http://vi.wiktionary.org/wiki/Ph%C3%A1p) [*thuộc*](http://vi.wiktionary.org/wiki/thu%E1%BB%99c)*) của làng Phú Thạnh Đông (nay là xã Phú Thạnh) tên là Thu đứng ra lập chợ. Chợ này nổi tiếng với món mắm còng lột. Ca dao vẫn còn lưu truyền: Anh qua làng Phú Thạnh Đông/Mang hũ mắm còng về kính mẹ cha/Bao giờ sông cạn phù sa/ Thì duyên chồng vợ đôi ta mới thành”*[[26]](#footnote-26).

Chợ loại 3, ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 200 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, hải sản, đặc sản có mắm còng lột,…

**3. Chợ Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Đông).

Chợ loại 3, ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.500 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có trái mãng cầu Xiêm và sả,…

**4. Chợ Phú Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 140 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có mắm còng lột,…

**5. Chợ Rạch Vách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được[[27]](#footnote-27)) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa). Chợ được lập bên cạnh Rạch Vách, là rạch chảy qua nơi có nhiều cây vách.

Chợ loại 3, ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.800 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**6. Chợ Tân Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (ấp Tân Thạnh).

Chợ loại 3, ở ấp Phú Thạnh, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.000 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có mắm còng lột,…

**7. Chợ Tân Thới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thới).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**8. Chợ Tân Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tân: 新: Mới mẻ; Xuân: 春: Mùa xuân).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Phú Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733530069.

Trang thông tin điện tử: phuthanh.tiengiang.edu.vn.

Email: c23phuthanh.tiengiang.edu.vn.

Năm 2008, Trường THCS và THPT Phú Thạnh được thành lập theo Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 25/01/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Thạnh.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Đông).

Địa chỉ: Ấp Lý Quàn 1, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733 944775

Email: c2phudong.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 - 2 Phú Đông tọa lạc tại ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2000, theo Quyết định 585/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông, Trường Trung học cơ sở Phú Đông được thành lập trên cơ sở chia tách Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 - 2 Phú Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05; nữ 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 39 đoàn viên; nam: 14; nữ: 25. Đội viên: 277; nam: 128; nữ: 148.

Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 11; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 18; nam: 08; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 17; Cử nhân (Cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 309; nam: 136; nữ: 173.

Tổng diện tích: 8.639 m2; diện tích sử dụng: 8.639 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; phòng Tiếng Anh: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng thiết bị: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Tân Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273.3890 404;

Trang thông tin điện tử: http://thcstanphu.pgdtanphudong.edu.vn

Địa chỉ email: c2tanphu.tpd.tiengiang@moet.edu.vn;

Năm 1985, Trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Tân Phú được thành lập. Năm 1997, Trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Phú.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 12; nữ: 11; Chi ủy: 05 nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 17, nữ: 14. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 03; nữ: 05. Đội viên: 289; nam: 141; nữ: 148.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 17, nữ 14. Tổng số giáo viên: 28; nam: 15, nữ 13. Cử nhân (Đại hoc): 23. Cử nhân (cao đẳng): 06. Trung học sư phạm: 01. Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 431; nam: 205, nữ: 226.

Tổng diện tích: 11.377 m2; diện tích sử dụng: 11.377 m2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 46 đảng viên; nam: 24 ; nữ: 22; Chi ủy: 07; nam: 05; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 33 ; nữ: 31. Đoàn thanh niên: 649 đoàn viên, nam: 231; nữ: 418.

Tổng số viên chức: 64; nam: 33; nữ: 31. Tổng số giáo viên: 52; nam: 28 ; nữ: 24. Thạc sĩ: 06; Cử nhân (đại học): 46 ; Cử nhân (Cao đẳng): 06 ; Trình độ khác: 06.

Tổng số học sinh: 1366; nam: 651 ; nữ: 715.

Tổng diện tích: 25.199 m²; diện tích sử dụng: 11.149,68 m².

Trường có 06 dãy lầu, gồm: 5 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; Phòng làm việc: 15; Phòng học: 39 ; Phòng thí nghiệm: 05; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 02; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 11 phòng; căn tin, nhà xe.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Đông).

Địa chỉ: Ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.944.726

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1phudong.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2000, Trường được thành lập theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 12; nam: 02; nữ: 10, Đội thiếu niên: 374; nam: 207; nữ: 167.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 07; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 23; nam: 05; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 27; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 566; nam: 268 nữ: 56.

Tổng diện tích: 7.243,2 m²; diện tích sử dụng: 1.738,8m².

Trường có 02 dãy lầu (Dãy thứ nhất 01 trệt, 01 lầu; Dãy thứ hai 01 trệt, 02 lầu); phòng làm việc: 05; phòng học: 10; phòng thiết bị: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Tiểu học Phú Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3890490 – 0273 3890498 – 0273 3890499

Trang thông tin điện tử: thphuthanh.pgdtanphudong.edu.vn

Email: c1phuthanh.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Phú Thạnh tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông. Trường có 2 điểm: điểm Tân Phú được xây dựng năm 2007, điểm Bà Lắm xây dựng năm 2010. Điểm phụ cách điểm chính 3 km. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 07; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 30. Đoàn thanh niên: 15; nam: 02; nữ: 13; Đội thiếu niên: 320; nam: 158; nữ: 162.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 09; nữ: 30. Tổng số giáo viên: 36; nam: 08; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 03 ; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 775/387

Tổng diện tích: 12.286,3 m²; diện tích sử dụng: 12. 286.3 m²

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 3 tầng: 1 trệt, 2 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học 29; phòng máy tính: 02; thư viện 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

**3. Trường Tiểu học Tân Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 890 500

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanphu.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Phú được thành lập ngày 02 tháng 8 năm 2002 theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học Tân Phú 1 và Trường Tiểu học Tân Phú 2. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên, nam: 09; nữ: 13. Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02, nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên, nam: 18; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 479 đội viên; nam: 212; nữ: 267.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 17; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 35; nam: 15; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 32, Trung cấp: 05.

Tổng số học sinh: 700 học sinh, nam: 353; nữ: 347.

Tổng diện tích: 11.273 m2, trong đó điểm Tân Thạnh là 7.759 m2, điểm Tân Xuân là 3.514 m2

Điểm Tân Thạnh có 2 dãy phòng học được xây dựng kiên cố với 01 trệt, 01 lầu gồm có 06 phòng làm việc, 13 phòng học, 01 phòng máy tính, 01 phòng Anh văn, 01 phòng khoa học công nghệ, 01 phòng Âm nhạc - Mỹ Thuật, 1 nhà đa năng, 1 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập, 02 khu vệ sinh học sinh, 01 khu vệ sinh giáo viên, 01 sân thể dục thể thao, 01 sân chơi.

Điểm Tân Xuân có 1 dãy phòng 01 trệt, 02 lầu gồm có: 10 phòng học, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng tin học, 03 khu vệ sinh học sinh, 01 khu vệ sinh giáo viên, 01 sân chơi.

**4. Trường Tiểu học TânThạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Thành 2, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733531064

Trang thông tin điện tử: htt://thtanthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanthanh.TPD.TiênGiang@moet.edu

Năm 2002, Trường được thành lập theo Quyết định số 1118- QĐ/2002 ngày 02 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 15. Đội thiếu niên: 210; nam: 102; nữ: 108.

Tổng số cán bộ viên chức: 26; nam: 11; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 20; nam: 08; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trình độ khác:

Tổng số học sinh: 349; nam: 175; nữ: 174.

Tổng diện tích: 12.374 m2; diện tích sử dụng: 5.585 m2

Trường có 03 dãy lầu, mội dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phònghọc: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**5. Trường Tiểu học Tân Thới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thới).

Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp , huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 528 407

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1TanThoi1.TPD.TienGiang@moet.edu.vn.

Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Thới được thành lập theo Quyết định số 1730/QĐ - UBND ngày 29 tháng 07 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phú Đông trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Tân Thới 1 và Trường Tiểu học Tân Thới 2. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự nhận được Huân chương Lao động hạng Ba.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thới.

Năm 2023, Chi bộ: 35 đảng viên; nam: 18; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 02 ; nữ: 05; Đội thiếu niên: 410 đội viên; nam: 208; nữ: 202.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 26; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 50; nam: 31 ; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 42; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 12.

Tổng số học sinh: 963; nam: 500; nữ: 463 .

Tổng diện tích: 17.227,9m2; diện tích sử dụng: 17.227,9m2

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08 ; phòng học: 33; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 03; sân chơi: 04; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 04.

**6. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Phú Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Tân).

Địa chỉ: Ấp Bà Từ, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 947705

Trang thông tin điện tử: thcsphutan.tiengiang.edu.vn

Email: c12phutan.TPD.Tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2007, Trường được thành lập theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Tân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên, nam: 10; nữ 16; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên, nam: 16 nữ: 23. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 04, nữ: 11. Đội thiếu niên: 480 đội viên; nam: 246; nữ: 234.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39, nam: 16; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 35; nam: 14; nữ: 21. Cử nhân (Đại học): 32, Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 03; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 630; nam: 315; nữ 315.

Tổng diện tích: 10.009 m²; Diện tích sử dụng: 1.472,7m².

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc; 5, phòng học: 15; phòng thí nghiệm; 00; phòng nghe nhìn: 00, phòng máy tính: 03; thư viện: 01, sân chơi: 02; khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03 khu.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**\* Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Phú Thạnh, Phú Đông, huyện Tân Phú Đông; điểm đầu nối với cống Bà Tài, điểm cuối nối với cống Rạch Mương, dài 17,5 km, bề ngang 12 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 1.100 ha, nạo vét năm 2013.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**Thánh thất Phú Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Thạnh).

Thánh thất Phú Thạnh tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**Khu du lịch sinh thái Làng Yến**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Làng Yến: nơi nuôi chim yến).

Khu du lịch sinh thái Làng Yến tọa lạc tại Đường tỉnh 877B, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Địa điểm này cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 65 km và thành phố Mỹ Tho khoảng 35km.

Làng Yến là khu du lịch được xây dựng từ năm 2020 với mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng, diện tích khoảng 10 ha bao gồm khu du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng.

Khu du lịch Làng Yến sở hữu vẻ đẹp làng quê mộc mạc và yên bình, đến đây du khách có thể hòa mình với thiên nhiên trong lành và khung cảnh sông nước thơ mộng. Với diện tích siêu rộng, khu du lịch này sẽ phần nào mang lại cho du khách những trải nghiệm chân thực về tổng thể cuộc sống của người dân miền Tây thông qua những trò chơi dân gian, món ăn đặc sản và những hoạt động khám phá mới mẻ.

 **\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. **Miệt biển Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Miệt biển Gò Công có chiều dài 32 km bờ biển, uốn cong như hình bán nguyệt, kéo dài từ cửa Xoài Rạp trên sông Xoài Rạp ở phía Bắc đến Cửa Tiểu trên sông Tiền ở phía Nam, thuộc hai huyện Gò Công Đông và Tân Phú Đông.

Ở đây có nhiều tiềm năng về kinh tế biển, như công nghiệp cơ khí, cảng biển và dịch vụ cảng, hậu cần (logistic), khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn. Đồng thời, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển và ven biển.

 **2. Miệt rẫy Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Rẫy) + Địa danh hành chính (Gò Công).

*“Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng”*. Câu hát từ lâu như một lời giới thiệu những đặc sản của miền Tây nói chung và vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) nói riêng, trong đó có món mắm còng rất ngon và độc đáo.

Ở Gò Công, rẫy là tên gọi chung của những miền đất thấp, ven các kinh rạch, hằng năm thường bị nhiễm mặn trong một thời gian, như các xã Bình Đông, Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông, cặp theo sông Soài Rạp; xã Phú Đông, xã Phú Tân, giữa hai vàm Cửa Tiểu và Cửa Đại của huyện Tân Phú Đông.

Ở đây, mỗi năm bà con chỉ có thể canh tác được một vụ lúa mùa. Bù lại, miệt rẫy lại là quê hương của các loài còng: Vó, lửa, nha... Còng “sinh con đẻ cái, cháu đống con đàn” trên các thửa ruộng quanh năm ngập nước, trong cỏ, trong đám dừa nước, dọc theo các triền kinh rạch hoặc ẩn náu trong những mô đất vào mùa khô bà con hay đắp lên giữa ruộng, nhất là những thửa ruộng gặt hái trễ sau tết. Còng từ các thửa ruộng đã gặt xong, không có chỗ ẩn nấp đổ xô vào sinh sống dưới gốc lúa. Thợ gặt ai cũng thủ sẵn một cái thùng hoặc một cái bao bắt còng bỏ vào, một chốc đã đầy thùng.

Đặc biệt, còng lột vào ngày Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) là loại ngon nhất. Ở Tiền Giang, mắm tôm chà thì có mọi mùa trong năm, riêng mắm còng lột chỉ có vào 3 tháng. Vào khoảng tháng 5 là vào mùa còng lột, người dân men theo những bờ sông, bờ rạch chọn bắt những con còng còn mềm mang về làm nguyên liệu. Với tài chế biến tinh tế của những bà, những chị, còng lột có thể làm được rất nhiều món ăn ngon như ướp gia vị cho thấm, tẩm bột chiên vàng, hoặc rang me, ăn với bún hay cuốn rau chấm nước mắm chua ngọt, giống như ăn bánh xèo, bánh khọt.

Những lúc còng nhiều không thể sử dụng hết, bà con nghĩ tới việc làm mắm để ăn dần. Có thể nói, mắm còng là đặc sản ngon trứ danh của “miệt rẫy”. Mắm còng ở cù lao Tân Thới (huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) không thua kém bất cứ loại mắm nổi tiếng nào của Nam bộ. Khi ăn phải cho thêm gia vị: tỏi, ớt, chanh, đường… vào mắm, kèm với thịt nướng, bún. Dĩ nhiên, không thể thiếu rau sống, chuối chát, cà dĩa, tía tô, dấp cá, giá, gừng, ớt… Tất cả những thứ đó được trộn vào nhau, tạo thành một món ăn ngon tuyệt, đậm đà hương vị dân tộc. Thức ăn được chế biến từ còng là niềm tự hào của người dân miệt rẫy.

Mắm còng lột là đặc sản danh bất hư truyền của Miệt rẫy Gò Công. Xưa, dưới thời nhà Nguyễn, mắm còng Gò Công được đưa ra Huế, vào cung đình, những quan, những bà mệnh phụ đều thích. Bà Từ Dũ, mẹ của vua Tự Đức, là người phổ biến mắm còng khắp xứ Huế. Năm nào người Gò Công cũng gửi ra Huế nhiều hũ mắm còng, được người xứ Huế xem là một trong những thức ăn thượng hạng.

1. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 603. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-3)
4. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-5)
6. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9. [↑](#footnote-ref-6)
7. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17. [↑](#footnote-ref-7)
8. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338. [↑](#footnote-ref-8)
9. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573. [↑](#footnote-ref-9)
10. Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 71. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 551. [↑](#footnote-ref-11)
12. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-12)
13. Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96. [↑](#footnote-ref-13)
14. Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96. [↑](#footnote-ref-14)
15. Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96. [↑](#footnote-ref-15)
16. Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96. [↑](#footnote-ref-16)
17. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-17)
18. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-18)
19. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-19)
20. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-20)
21. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-21)
22. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-22)
23. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-23)
24. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-24)
25. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-25)
26. Mai Mỹ Duyên (2007), *Mắm còng lột Phú Thạnh*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học – Công nghệ Tiền Giang, trang 29. [↑](#footnote-ref-26)
27. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-27)